

QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ

Căn cứ vào các Điều 48, 217, 218, 219 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm;

Xét thấy: Nguyên đơn là ông Lê Văn B có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn là ông Triệu Văn L; Bị đơn là ông Triệu Văn L có đơn xin rút yêu cầu phản tố. Đồng thời, ông Triệu Văn L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là bà Võ Thị B có đơn rút yêu cầu đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là ông Bùi Văn T và bà Huỳnh Thị Hồng T; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là ông Bùi Văn T và bà Huỳnh Thị Hồng T có đơn xin rút yêu cầu độc lập và được Tòa án chấp nhận theo quy định tại điểm c khoản 1 điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Triệu Văn C, anh Lê Quốc T, chị Lê Thị Trường A, anh Lê Quốc P, anh Lê Quốc N, chị Triệu Mỹ D, anh Triệu Quang T, Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh T - đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Quốc T - đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn C không có yêu cầu độc lập.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 419/2015/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2015, về việc tranh chấp “Đòi quyền sử dụng đất” giữa:

* **Nguyên đơn:** Ông **Lê Văn B**, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Tổ 1, Ấp 1, xã Tân Hưng, huyện C, tỉnh T.

Đại diện theo ủy quyền: Anh **Nguyễn Tuấn S**, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Ấp Tân Dinh, xã Tân Hòa, huyện T Bình, tỉnh Đồng Tháp.

* **Bị đơn:** Ông **Triệu Văn L**, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Tổ 1, Ấp 1, xã Tân Hưng, huyện C, tỉnh T.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1967.

Địa chỉ: 634, Tổ 34, Khu 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh T.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:**

1. Ông **Bùi Văn T**, sinh năm 1979.
2. Bà **Huỳnh Thị Hồng T**, sinh năm 1980.
3. Bà **Võ Thị B**, sinh năm: 1958.

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã Tân Hưng, huyện C, tỉnh T.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh **Triệu Văn C**, sinh năm 1988.
2. Anh **Lê Quốc T**, sinh năm 1978.
3. Chị **Lê Thị Trường A**, sinh năm 1980.
4. Anh **Lê Quốc P**, sinh năm 1982.
5. Anh **Lê Quốc N**, sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã Tân Hưng, huyện C, tỉnh T.

Đại diện theo ủy quyền cho anh T, chị A, anh P, anh N: Anh **Nguyễn Tuấn S**, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Ấp Tân Dinh, xã Tân Hòa, huyện T Bình, tỉnh Đồng Tháp.

6. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh T.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Quốc T**.

Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh T.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn C**.

Chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C, tỉnh T.

Địa chỉ: Khu 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh T.

7. Bà Triệu Mỹ D, sinh năm 1979.

8. Anh Triệu Quang T, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã Tân Hưng, huyện C, tỉnh T.

II. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án:

- Về tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm:

+ Hoàn lại cho ông Lê Văn B 200.000 đồng tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 04359, ngày 28/10/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh T.

+ Hoàn lại cho ông Triệu Văn L 300.000 đồng tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 04608, ngày 22/12/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh T.

+ Hoàn lại cho ông Bùi Văn T và bà Huỳnh Thị Hồng T 300.000 đồng tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 07478, ngày 05/9/2017 của Chi cục Thi hành

án dân sự huyện C, tỉnh T.

+ Hoàn lại cho ông Triệu Văn L và bà Võ Thị B 300.000 đồng tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 09235, ngày 06/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh T.

- Về quyền khởi kiện: Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự.

III. Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn kim Ngọc Giàu

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 45-DS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự; nếu Tòa án ra quyết định là Tòa án nhân dân cấp huyện cần ghi rõ tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh T Hoá). Nếu Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh, (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: số 02/2017/QĐST- KDTM).

(3) Ghi cụ thể lý do của việc đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thuộc trường hợp nào quy định tại Điều 217 hoặc các điều luật khác của Bộ luật tố tụng dân sự (ví dụ: xét thấy nguyên đơn là cá nhân đã chết mà quyền, nghĩa vụ của họ không được thừa kế quy định tại điểm a khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự).

(4) Ghi số, ngày tháng năm thụ lý vụ án (ví dụ: số 50/2017/TLST-KDTM).

(5) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt N giữ cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt N giữ cá nhân với cá nhân”).

(6), (7) và (8) Nếu nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cá nhân, thì ghi họ tên và địa chỉ của cá nhân đó; nếu là cơ quan, tổ chức, thì ghi tên, địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó (ghi theo đơn khởi kiện).

(9) Tùy vào từng trường hợp đình chỉ vụ án cụ thể mà ghi hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án quy định tại Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự, (kể cả về tiền tạm ứng án phí).

(10) Tùy từng trường hợp cụ thể mà ghi tên cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện (nếu có).

